

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 101.

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (4,0 điểm)

Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong 4 đáp án A,B,C,D.

Câu 1. Lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. cá. B. thịt. C. lúa gạo. D. rau củ.

Câu 2. Giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV được coi là thời kì

- A. văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì cận đại.
B. hình thành nền văn minh Đông Nam Á.
C. phát triển mạnh mẽ của văn minh Đông Nam Á.
D. suy thoái của văn minh Đông Nam Á.

Câu 3. Loại hình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm là

- A. nhà thờ. B. đền tháp. C. cung điện. D. chùa chiền.

Câu 4. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Cánh Tiên (Bình Định). B. Tháp Mỹ Khánh (Huế).
C. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hòa). D. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

Câu 5. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Góp phần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.
B. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
C. Giúp tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm.
D. Đưa loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.

Câu 6. Ăng-co Vát là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?

- A. Thái Lan. B. Ma-lai-xi-a. C. Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma.

Câu 7. Chữ Chăm cổ của người Chăm-pa được sáng tạo trên cơ sở chữ nào?

- A. Chữ La-tinh. B. Chữ Hán. C. Chữ Phạn. D. Chữ Nôm.

Câu 8. Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của những quốc gia

- A. A-rập và Ấn Độ. B. Ai Cập và Luông Hà.
C. Ấn Độ và Trung Quốc. D. Hy Lạp và La Mã.

Câu 9. Đền Bô-rô-bu-đua (In-đo-nê-xi-a) được xếp vào loại hình kiến trúc nào dưới đây?

- A. Kiến trúc đô thị. B. Kiến trúc tôn giáo.
C. Kiến trúc cung đình. D. Kiến trúc dân gian.

Câu 10. Từ thế kỉ III, tôn giáo nào sau đây trở thành tôn giáo chính ở Chăm-pa?

- A. Hin đư giáo. B. Cơ Đốc giáo. C. Nho giáo. D. Phật giáo.

Câu 11. Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. nông nghiệp trồng lúa nước. B. chăn nuôi gia súc lớn.
C. chế tác sản phẩm thủ công. D. đánh bắt thủy hải sản.

Câu 12. Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?

- A. Lễ hội cơm mới. B. Lễ hội Óc Om Bóc.
C. Lễ hội Lồng tồng. D. Lễ hội Ka-tê.

Câu 13. Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. động cơ điện. B. Internet kết nối vạn vật.
C. động cơ hơi nước. D. máy tính điện tử.

Câu 14. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình tôn giáo ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Tôn giáo ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của cư dân.
- B. Các tôn giáo luôn đối lập và xung đột gay gắt với nhau.
- C. Khu vực đa tôn giáo, du nhập nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.
- D. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.

Câu 15. Loại hình nhà ở nào được coi là biểu tượng văn hoá thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở các địa hình khác nhau của cư dân Đông Nam Á?

- A. Nhà sàn.
- B. Nhà tranh vách đất.
- C. Nhà mái bằng.
- D. Nhà trệt.

Câu 16. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được khởi đầu tại quốc gia nào?

- A. Đức.
- B. Anh.
- C. Mỹ.
- D. Pháp.

PHẦN II : TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG – SAI (3 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3, trong mỗi câu, thí sinh lựa chọn Đúng – Sai ở các ý a, b, c, d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trực tiếp thừa hưởng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, trong đó quan trọng nhất là thành tựu trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, khi internet ngày càng phổ biến, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi hơn trong nhiều lĩnh vực. Các công nghệ số với phần cứng của máy tính, phần mềm và hệ thống mạng ngày càng phức tạp, được tích hợp nhiều chức năng hơn.

- a). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là Cách mạng 4.0
- b). Thành tựu quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những bước đột phá trong lĩnh vực công nghệ.
- c). Một trong những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là sự ra đời của máy tính điện tử, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ na-nô...
- d). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ những năm đầu của thế kỉ XX và vẫn đang tiếp diễn, đặc biệt là các nước phát triển nơi có trình độ khoa học kỹ thuật cao.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong những dịp như lễ đính hôn, tiệc mừng nhà mới và đặc biệt là khi ốm đau..., người Lào đều tổ chức lễ Ba – xi để bày tỏ sự đoàn kết, tương thân tương ái trong gia đình và cộng đồng. Buổi lễ Ba – xi có nguồn gốc giao thoa giữa đạo Phật, đạo Bà – la – môn và thuyết vạn vật hữu linh, tới nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa ở Lào. Trong buổi lễ, già làng chủ trì tụng kinh và cầu chúc sức khỏe, may mắn. Sau đó, những người tham gia thay phiên nhau cầu chúc cho người thân khỏe mạnh và buộc các sợi dây bông quanh cổ tay của họ. Sợi dây sẽ được mọi người giữ đeo trong ba ngày để bày tỏ sự gắn kết mối quan hệ.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, 2007, tr.172)

- a). Lễ Ba – xi là một nét độc đáo trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa của nước Lào trong lịch sử và hiện nay.
- b). Người Lào chỉ tổ chức lễ Ba – xi khi chào đón năm mới và trong lễ cưới.
- c). Lễ Ba – xi chính là kết quả của sự giao thoa giữa tôn giáo du nhập từ bên ngoài với tín ngưỡng bản địa.
- d). Ở Lào, lễ hội Ba – xi chỉ có ý nghĩa duy nhất là cầu chúc sức khỏe, may mắn cho những người thân trong gia đình.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên nền tảng cộng đồng xóm làng và một cơ cấu chính trị nhà nước phôi thai; không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững chắc cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó”.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch Sử Việt Nam, Tập I*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 173)

- a). Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về quá trình xác lập các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
- b). “Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- c). Bản chất của “nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” là một nền văn minh lấy kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo với bộ máy chính quyền đơn giản, sơ khai.
- d). Toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam sau này phụ thuộc hoàn toàn vào nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Làm rõ tác động một thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đến cuộc sống của bản thân em.

Câu 2 (2,0 điểm). Phân tích cơ sở điều kiện tự nhiên của sự hình thành nên văn minh Văn Lang - Âu Lạc. Vì sao nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc còn gọi là văn minh sông Hồng?

----- **HẾT** -----

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 102

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (4,0 điểm)

Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong 4 đáp án A,B,C,D.

Câu 1. Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. chế tác sản phẩm thủ công. B. đánh bắt thủy hải sản.
C. nông nghiệp trồng lúa nước. D. chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 2. Ang-co Vát là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia. C. Thái Lan. D. Mi-an-ma.

Câu 3. Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?

- A. Lễ hội cơm mới. B. Lễ hội Óc Om Bóc.
C. Lễ hội Ka-tê. D. Lễ hội Lồng tồng

Câu 4. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Đưa loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.
B. Giúp tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm.
C. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
D. Góp phần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.

Câu 5. Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. Internet kết nối vạn vật. B. máy tính điện tử.
C. động cơ hơi nước. D. động cơ điện.

Câu 6. Lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. lúa gạo. B. thịt. C. rau củ. D. cá.

Câu 7. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hòa). B. Tháp Cánh Tiên (Bình Định).
C. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam). D. Tháp Mỹ Khánh (Huế).

Câu 8. Giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV được coi là thời kì

- A. phát triển mạnh mẽ của văn minh Đông Nam Á.
B. suy thoái của văn minh Đông Nam Á.
C. hình thành nền văn minh Đông Nam Á.
D. văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì cận đại.

Câu 9. Chữ Chăm cổ của người Chăm-pa được sáng tạo trên cơ sở chữ nào?

- A. Chữ Phạn. B. Chữ Nôm. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Hán.

Câu 10. Loại hình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm là

- A. chùa chiền. B. nhà thờ. C. cung điện. D. đền tháp.

Câu 11. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình tôn giáo ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Các tôn giáo luôn đối lập và xung đột gay gắt với nhau.
B. Tôn giáo ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của cư dân.
C. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.
D. Khu vực đa tôn giáo, du nhập nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.

Câu 12. Loại hình nhà ở nào được coi là biểu tượng văn hoá thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở các địa hình khác nhau của cư dân Đông Nam Á?

- A. Nhà trệt. B. Nhà tranh vách đất.
C. Nhà mái bằng. D. Nhà sàn.

Câu 13. Đền Bô-rô-bu-đua (In-đo-nê-xi-a) được xếp vào loại hình kiến trúc nào dưới đây?

A. Kiến trúc đô thị.

B. Kiến trúc tôn giáo.

C. Kiến trúc cung đình.

D. Kiến trúc dân gian.

Câu 14. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được khởi đầu tại quốc gia nào?

A. Anh.

B. Pháp.

C. Mỹ.

D. Đức.

Câu 15. Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của những quốc gia

A. Hy Lạp và La Mã.

B. A-rập và Ấn Độ.

C. Ai Cập và Luông Hà.

D. Ấn Độ và Trung Quốc.

Câu 16. Từ thế kỉ III, tôn giáo nào sau đây trở thành tôn giáo chính ở Chăm-pa?

A. Phật giáo.

B. Cơ Đốc giáo.

C. Nho giáo.

D. Hin đú giáo.

PHẦN II : TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG – SAI (3 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3, trong mỗi câu, thí sinh lựa chọn Đúng – Sai ở các ý a, b, c, d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên nền tảng cộng đồng xóm làng và một cơ cấu chính trị nhà nước phôi thai; không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững chắc cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó”.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch Sử Việt Nam, Tập I*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 173)

a). Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về quá trình xác lập các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

b). “Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

c). Bản chất của “nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” là một nền văn minh lấy kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo với bộ máy chính quyền đơn giản, sơ khai.

d). Toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam sau này phụ thuộc hoàn toàn vào nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trực tiếp thừa hưởng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, trong đó quan trọng nhất là thành tựu trong lĩnh vực công nghệ kĩ thuật số, khi internet ngày càng phổ biến, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi hơn trong nhiều lĩnh vực. Các công nghệ số với phần cứng của máy tính, phần mềm và hệ thống mạng ngày càng phức tạp, được tích hợp hiệu chức năng hơn.

a). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là Cách mạng 4.0

b). Thành tựu quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những bước đột phá trong lĩnh vực công nghệ.

c). Một trong những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là sự ra đời của máy tính điện tử, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ na-nô...

d). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ những năm đầu của thế kỉ XX và vẫn đang tiếp diễn, đặc biệt là các nước phát triển nơi có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong những dịp như lễ đính hôn, tiệc mừng nhà mới và đặc biệt là khi ốm đau..., người Lào đều tổ chức lễ Ba – xi để bày tỏ sự đoàn kết, tương thân tương ái trong gia đình và cộng đồng. Buổi lễ Ba – xi có nguồn gốc giao thoa giữa đạo Phật, đạo Bà – la – môn và thuyết vạn vật hữu linh, tới nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa ở Lào. Trong buổi lễ, già làng chủ trì tụng kinh và cầu chúc sức khỏe, may mắn. Sau đó, những người tham gia thay phiên nhau cầu chúc cho người thân khỏe mạnh và buộc các sợi dây bông quanh cổ tay của họ. Sợi dây sẽ được mọi người giữ đeo trong ba ngày để bày tỏ sự gắn kết mối quan hệ.

a). Lễ Ba – xi là một nét độc đáo trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa của nước Lào trong lịch sử và hiện nay.

b). Người Lào chỉ tổ chức lễ Ba – xi khi chào đón năm mới và trong lễ cưới.

c). Lễ Ba – xi chính là kết quả của sự giao thoa giữa tôn giáo du nhập từ bên ngoài với tín ngưỡng bản địa.

d). Ở Lào, lễ hội Ba – xi chỉ có ý nghĩa duy nhất là cầu chúc sức khỏe, may mắn cho những người thân trong gia đình.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Làm rõ tác động một thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đến cuộc sống của bản thân em.

Câu 2 (2,0 điểm). Phân tích cơ sở điều kiện tự nhiên của sự hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc. Vì sao nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc còn gọi là văn minh sông Hồng?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 103

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (4,0 điểm)

Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong 4 đáp án A,B,C,D.

Câu 1. Từ thế kỉ III, tôn giáo nào sau đây trở thành tôn giáo chính ở Chăm-pa?

- A. Cơ Đốc giáo. B. Nho giáo. C. Phật giáo. D. Hin đú giáo.

Câu 2. Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của những quốc gia

- A. A-rập và Ấn Độ. B. Ai Cập và Lưỡng Hà.
C. Hy Lạp và La Mã. D. Ấn Độ và Trung Quốc.

Câu 3. Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. động cơ hơi nước. B. Internet kết nối vạn vật.
C. động cơ điện. D. máy tính điện tử.

Câu 4. Ang-co Vát là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?

- A. Thái Lan. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 5. Loại hình nhà ở nào được coi là biểu tượng văn hoá thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở các địa hình khác nhau của cư dân Đông Nam Á?

- A. Nhà mái bằng. B. Nhà sàn.
C. Nhà tranh vách đất. D. Nhà trệt.

Câu 6. Chữ Chăm cổ của người Chăm-pa được sáng tạo trên cơ sở chữ nào?

- A. Chữ La-tinh. B. Chữ Nôm. C. Chữ Hán. D. Chữ Phạn.

Câu 7. Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?

- A. Lễ hội Ka-tê. B. Lễ hội Óc Om Bóc.
C. Lễ hội côm mới. D. Lễ hội Lồng tồng

Câu 8. Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. chăn nuôi gia súc lớn. B. đánh bắt thủy hải sản.
C. chế tác sản phẩm thủ công. D. nông nghiệp trồng lúa nước.

Câu 9. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Góp phần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.
B. Đưa loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.
C. Giúp tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm.
D. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

Câu 10. Loại hình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm là

- A. cung điện. B. chùa chiền. C. nhà thờ. D. đền tháp.

Câu 11. Giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV được coi là thời kì

- A. văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì cận đại.
B. hình thành nền văn minh Đông Nam Á.
C. phát triển mạnh mẽ của văn minh Đông Nam Á.
D. suy thoái của văn minh Đông Nam Á.

Câu 12. Lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. thịt. B. rau củ. C. cá. D. lúa gạo.

Câu 13. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình tôn giáo ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.
B. Khu vực đa tôn giáo, du nhập nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.
C. Các tôn giáo luôn đối lập và xung đột gay gắt với nhau.

D. Tôn giáo ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của cư dân.

Câu 14. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

A. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hòa).

B. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).

C. Tháp Mỹ Khánh (Huế).

D. Tháp Cánh Tiên (Bình Định).

Câu 15. Đền Bô-rô-bu-đua (In-đo-nê-xi-a) được xếp vào loại hình kiến trúc nào dưới đây?

A. Kiến trúc đô thị.

B. Kiến trúc cung đình.

C. Kiến trúc dân gian.

D. Kiến trúc tôn giáo.

Câu 16. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được khởi đầu tại quốc gia nào?

A. Anh.

B. Mỹ.

C. Pháp.

D. Đức.

PHẦN II : TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG – SAI (3 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3, trong mỗi câu, thí sinh lựa chọn Đúng – Sai ở các ý a, b, c, d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trực tiếp thừa hưởng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, trong đó quan trọng nhất là thành tựu trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, khi internet ngày càng phổ biến, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi hơn trong nhiều lĩnh vực. Các công nghệ số với phần cứng của máy tính, phần mềm và hệ thống mạng ngày càng phức tạp, được tích hợp nhiều chức năng hơn.

a). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là Cách mạng 4.0

b). Thành tựu quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những bước đột phá trong lĩnh vực công nghệ.

c). Một trong những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là sự ra đời của máy tính điện tử, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ na-nô...

d). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ những năm đầu của thế kỉ XX và vẫn đang tiếp diễn, đặc biệt là các nước phát triển nơi có trình độ khoa học kỹ thuật cao.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong những dịp như lễ đính hôn, tiệc mừng nhà mới và đặc biệt là khi ốm đau..., người Lào đều tổ chức lễ Ba – xi để bày tỏ sự đoàn kết, tương thân tương ái trong gia đình và cộng đồng. Buổi lễ Ba – xi có nguồn gốc giao thoa giữa đạo Phật, đạo Bà – la – môn và thuyết vạn vật hữu linh, tới nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa ở Lào. Trong buổi lễ, già làng chủ trì tụng kinh và cầu chúc sức khỏe, may mắn. Sau đó, những người tham gia thay phiên nhau cầu chúc cho người thân khỏe mạnh và buộc các sợi dây bông quanh cổ tay của họ. Sợi dây sẽ được mọi người giữ đeo trong ba ngày để bày tỏ sự gắn kết mối quan hệ.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, 2007, tr.172)

a). Lễ Ba – xi là một nét độc đáo trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa của nước Lào trong lịch sử và hiện nay.

b). Người Lào chỉ tổ chức lễ Ba – xi khi chào đón năm mới và trong lễ cưới.

c). Lễ Ba – xi chính là kết quả của sự giao thoa giữa tôn giáo du nhập từ bên ngoài với tín ngưỡng bản địa.

d). Ở Lào, lễ hội Ba – xi chỉ có ý nghĩa duy nhất là cầu chúc sức khỏe, may mắn cho những người thân trong gia đình.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên nền tảng cộng đồng xóm làng và một cơ cấu chính trị nhà nước phôi thai; không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững chắc cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó”.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch Sử Việt Nam, Tập I*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 173)

a). Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về quá trình xác lập các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

b). “Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

c). Bản chất của “nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” là một nền văn minh lấy kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo với bộ máy chính quyền đơn giản, sơ khai.

d). Toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam sau này phụ thuộc hoàn toàn vào nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Làm rõ tác động một thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đến cuộc sống của bản thân em.

Câu 2 (2,0 điểm). Phân tích cơ sở điều kiện tự nhiên của sự hình thành nên văn minh Văn Lang - Âu Lạc. Vì sao nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc còn gọi là văn minh sông Hồng?

----- **HẾT** -----

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 104

ĐỀ BÀI

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN (4,0 điểm)

Thí sinh chọn đáp án đúng duy nhất trong 4 đáp án A,B,C,D.

Câu 1. Hoạt động kinh tế chủ đạo của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. chế tác sản phẩm thủ công. B. chăn nuôi gia súc lớn.
C. đánh bắt thủy hải sản. D. nông nghiệp trồng lúa nước.

Câu 2. Đèn Bô-rô-bu-đua (In-đo-nê-xi-a) được xếp vào loại hình kiến trúc nào dưới đây?

- A. Kiến trúc cung đình. B. Kiến trúc dân gian.
C. Kiến trúc tôn giáo. D. Kiến trúc đô thị.

Câu 3. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba được khởi đầu tại quốc gia nào?

- A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Mỹ.

Câu 4. Loại hình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm là

- A. chùa chiền. B. nhà thờ. C. đền tháp. D. cung điện.

Câu 5. Lương thực chính của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

- A. cá. B. thịt. C. lúa gạo. D. rau củ.

Câu 6. Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng chữ viết cổ của những quốc gia

- A. Ai Cập và Lưỡng Hà. B. Hy Lạp và La Mã.
C. Ấn Độ và Trung Quốc. D. A-rập và Ấn Độ.

Câu 7. Loại hình nhà ở nào được coi là biểu tượng văn hoá thích hợp với điều kiện khí hậu nóng ẩm ở các địa hình khác nhau của cư dân Đông Nam Á?

- A. Nhà tranh vách đất. B. Nhà sàn.
C. Nhà mái bằng. D. Nhà trệt.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không** phải là ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
B. Đưa loài người chuyển từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp.
C. Góp phần mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.
D. Giúp tăng năng suất lao động, rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Câu 9. Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?

- A. Lễ hội Oóc Om Bóc. B. Lễ hội Lồng tồng
C. Lễ hội Ka-tê. D. Lễ hội côm mới.

Câu 10. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tình hình tôn giáo ở Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại?

- A. Các tôn giáo cùng tồn tại và phát triển một cách hòa hợp.
B. Tôn giáo ảnh hưởng lớn tới đời sống tinh thần của cư dân.
C. Các tôn giáo luôn đối lập và xung đột gay gắt với nhau.
D. Khu vực đa tôn giáo, du nhập nhiều tôn giáo lớn trên thế giới.

Câu 11. Một trong những thành tựu tiêu biểu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là

- A. máy tính điện tử. B. động cơ điện.
C. Internet kết nối vạn vật. D. động cơ hơi nước.

Câu 12. Chữ Chăm cổ của người Chăm-pa được sáng tạo trên cơ sở chữ nào?

- A. Chữ Phạn. B. Chữ Hán. C. Chữ Nôm. D. Chữ La-tinh.

Câu 13. Ăng-co Vát là công trình kiến trúc tiêu biểu của quốc gia nào?

- A. Thái Lan. B. Mi-an-ma. C. Cam-pu-chia. D. Ma-lai-xi-a.

Câu 14. Từ thế kỉ III, tôn giáo nào sau đây trở thành tôn giáo chính ở Chăm-pa?

- A. Phật giáo. B. Cơ Đốc giáo. C. Hin đū giáo. D. Nho giáo.

Câu 15. Giai đoạn từ thế kỉ X đến thế kỉ XV được coi là thời kì

- A. phát triển mạnh mẽ của văn minh Đông Nam Á.
 B. văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì cận đại.
 C. suy thoái của văn minh Đông Nam Á.
 D. hình thành nền văn minh Đông Nam Á.

Câu 16. Công trình kiến trúc nào sau đây của cư dân Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Mỹ Khánh (Huế). B. Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam).
 C. Tháp Bà Pô Na-ga (Khánh Hòa). D. Tháp Cánh Tiên (Bình Định).

PHẦN II : TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG – SAI (3 điểm).

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3, trong mỗi câu, thí sinh lựa chọn Đúng – Sai ở các ý a, b, c, d.

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước dựa trên nền tảng cộng đồng xóm làng và một cơ cấu chính trị nhà nước phôi thai; không những đã vươn tới một trình độ phát triển khá cao, mà còn xác lập lối sống Việt Nam, truyền thống Việt Nam, đặt cơ sở vững chắc cho toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc sau đó”.

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch Sử Việt Nam, Tập I*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr. 173)

- a). Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về quá trình xác lập các truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.
 b). “Nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” được nhắc đến trong đoạn tư liệu chính là nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
 c). Bản chất của “nền văn minh của người Việt cổ với biểu tượng trống đồng Đông Sơn” là một nền văn minh lấy kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo với bộ máy chính quyền đơn giản, sơ khai.
 d). Toàn bộ sự tồn tại và phát triển của quốc gia - dân tộc Việt Nam sau này phụ thuộc hoàn toàn vào nền văn minh đầu tiên của người Việt cổ.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trực tiếp thừa hưởng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba, trong đó quan trọng nhất là thành tựu trong lĩnh vực công nghệ kĩ thuật số, khi internet ngày càng phổ biến, trí tuệ nhân tạo được ứng dụng rộng rãi hơn trong nhiều lĩnh vực. Các công nghệ số với phần cứng của máy tính, phần mềm và hệ thống mạng ngày càng phức tạp, được tích hợp hiệu chức năng hơn.

- a). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư còn được gọi là Cách mạng 4.0
 b). Thành tựu quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là những bước đột phá trong lĩnh vực công nghệ.
 c). Một trong những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là sự ra đời của máy tính điện tử, trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, công nghệ na-nô...
 d). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư bắt đầu từ những năm đầu của thế kỉ XX và vẫn đang tiếp diễn, đặc biệt là các nước phát triển nơi có trình độ khoa học kĩ thuật cao.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Trong những dịp như lễ đính hôn, tiệc mừng nhà mới và đặc biệt là khi ốm đau..., người Lào đều tổ chức lễ Ba – xi để bày tỏ sự đoàn kết, tương thân tương ái trong gia đình và cộng đồng. Buổi lễ Ba – xi có nguồn gốc giao thoa giữa đạo Phật, đạo Bà – la – môn và thuyết vạn vật hữu linh, tới nay vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa ở Lào. Trong buổi lễ, già làng chủ trì tụng kinh và cầu chúc sức khỏe, may mắn. Sau đó, những người tham gia thay phiên nhau cầu chúc cho người thân khỏe mạnh và buộc các sợi dây bông quanh cổ tay của họ. Sợi dây sẽ được mọi người giữ đeo trong ba ngày để bày tỏ sự gắn kết mối quan hệ.

- a). Lễ Ba – xi là một nét độc đáo trong đời sống tín ngưỡng, văn hóa của nước Lào trong lịch sử và hiện nay.
 b). Người Lào chỉ tổ chức lễ Ba – xi khi chào đón năm mới và trong lễ cưới.
 c). Lễ Ba – xi chính là kết quả của sự giao thoa giữa tôn giáo du nhập từ bên ngoài với tín ngưỡng bản địa.
 d). Ở Lào, lễ hội Ba – xi chỉ có ý nghĩa duy nhất là cầu chúc sức khỏe, may mắn cho những người thân trong gia đình.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm). Làm rõ tác động một thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đến cuộc sống của bản thân em.

Câu 2 (2,0 điểm). Phân tích cơ sở điều kiện tự nhiên của sự hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc. Vì sao nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc còn gọi là văn minh sông Hồng?

----- **HẾT** -----

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		101	102	103	104	
I TN nhiều lựa chọn - Tổng điểm: 4,0đ/16câu - 0,25 đ/câu	1	C	C	C	D	
	2	C	B	D	C	
	3	B	C	D	D	
	4	D	A	C	C	
	5	D	B	B	C	
	6	C	A	D	C	
	7	C	C	A	B	
	8	C	A	D	B	
	9	B	A	B	C	
	10	A	D	D	C	
	11	A	A	C	A	
	12	D	D	D	A	
	13	D	B	C	C	
	14	B	C	B	C	
	15	A	D	D	A	
	16	C	D	B	B	
II TNDS	1	a)	Đ	S	Đ	S
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	S	Đ	S	Đ
		d)	S	S	S	S
	2	a)	Đ	Đ	D	Đ
		b)	S	Đ	S	Đ
		c)	Đ	S	Đ	S
		d)	S	S	S	S
	3	a)	S	Đ	S	Đ
		b)	Đ	S	Đ	S
		c)	Đ	Đ	Đ	Đ
		d)	S	S	S	S
III. TỰ LUẬN	1 (2,0đ)	Phân tích cơ sở tự nhiên của sự hình thành nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc. Vì sao nền văn minh Văn Lang-Âu Lạc gọi là văn minh sông Hồng?				
		0,5	- Hình thành chủ yếu trên phạm vi lưu vực sông Hồng, sông Mã, sông Cả. Hệ thống sông bồi đắp phù sa hình thành vùng đồng bằng màu mỡ => thuận lợi để cư dân sớm định cư sinh sống.			
		0,5	- Chịu ảnh hưởng của nhiệt đới gió mùa => thuận lợi để cư dân trồng trọt, chăn nuôi.			
		0,5	- Tài nguyên khoáng sản phong phú => cơ sở để chế tác công cụ lao động và đồ dùng sinh hoạt.			
		0,5	- Lãnh thổ của Văn Lang – Âu Lạc chủ yếu tọa lạc ở lưu vực sông Hồng, là một vị trí địa lý quan trọng với nền nông nghiệp phồn thịnh. Vì vậy, nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là nền văn minh sông Hồng.			

		Làm rõ tác động một thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại đến cuộc sống của bản thân.				
	2 (1,0đ)		<p>- Học sinh chọn 1 thành tựu bất kì và phân tích tác động đến bản thân (tác động tích cực và tiêu cực). : Máy tính; Internet; Điện thoại thông minh;Ô tô, máy may, tàu hoả,....:</p> <p>VD: máy tính điện tử có kết nối Internet đã hỗ trợ em trong quá trình học tập (học online; tìm kiếm, tra cứu thông tin...), giải trí (xem phim, chơi game...)</p>			

----- HẾT -----

Kon Tum, ngày 19 tháng 3 năm 2025

Giáo viên ra đề

Huỳnh Thị Thanh Hương

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

DẠNG 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (4,0 điểm)

Câu 1: “Hiên tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có”. Câu nói trên phản ánh nội dung gì?

- A. Chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử của nhà Lê.
- B. Chính sách coi trọng nhân tài, loại bỏ hoàn toàn hình thức tiến cử của nhà Lê.
- C. Kết hợp hình thức tuyển chọn quan lại qua khoa cử và tiến cử của nhà Lê.
- D. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê.

Câu 2: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
- B. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- C. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
- D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 3: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
- B. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.
- C. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.
- D. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.

Câu 4: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiến hành đổi mới đất nước.
- B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Đấu tranh giành chính quyền.

Câu 5: Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.
- B. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.
- C. Cố vấn các vấn đề quân sự.
- D. Tiếp nhận và xử lý công văn.

Câu 6: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- B. Kinh tế tri trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp.
- C. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.
- D. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra khắp nơi.

Câu 7: Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.
- B. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.
- C. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- D. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.

Câu 8: Ý nào dưới đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly (cuối thế kỉ XIV – XV) và cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.
- B. Nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền quốc gia Đại Việt.
- C. Góp phần củng cố nền độc lập của quốc gia Đại Việt.
- D. Nhằm thay đổi nền tảng của chế độ phong kiến hiện hành.

Câu 9: Bộ luật nào dưới đây được đánh giá là có nhiều điểm mới và tiến bộ so với các bộ luật trong thời phong kiến?

- A. Hình luật.
- B. Hình thư.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 10: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Phật giáo và Đạo giáo.
- B. Hin-đu giáo và Hồi giáo.
- C. Nho giáo và đạo giáo.
- D. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.

Câu 11: Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

- A. “Thiên phúc trấn bảo”.
- B. “Thái bình thông bảo”.
- C. “Thái Đức thông bảo”.
- D. “Thông bảo hội sao”.

Câu 12: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. kỹ trị.
- B. nhân trị.
- C. đức trị.
- D. pháp trị.

Câu 13: Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung.
- B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. tình hình an ninh- xã hội ổn định.
- D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 14: Nội dung nào sau đây của cuộc cải cách Hồ Quý Ly thể hiện rõ tinh thần dân tộc, tiến bộ?

- A. Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.
- B. Đề cao văn hóa dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
- C. Tăng cường lực lượng quân đội, xây dựng nhiều thành lũy.
- D. Ban hành quy chế và hình luật bảo vệ chế độ hiện hành.

Câu 15: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.
- B. Ban hành quy chế và hình luật mới.
- C. Sửa đổi nội dung các khoa thi.
- D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 16: Vua Lê Thánh Tông tập trung tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Văn hóa.
- B. Hành chính.
- C. Giáo dục.
- D. Kinh tế.

DẠNG 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Để thống nhất các đơn vị hành chính, ... Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính địa phương, xóa bỏ các tổng trấn, đổi các dinh, trấn thành tỉnh. Cùng với việc xếp đặt lại các đơn vị hành chính trong cả nước, hệ thống quan chức ở các địa phương cũng dần dần được Minh Mệnh cho kiện toàn. Đối với tỉnh lớn như Thanh Hóa, Minh Mệnh cho đặt chức Tổng đốc, phần lớn cử những người Tôn thất đảm nhiệm, ngoài ra, cứ 2 tỉnh hoặc 3 tỉnh đặt một viên Tổng đốc và một viên Tuần phủ (phụ trách một tỉnh, dưới quyền viên Tổng đốc). Giúp việc cho Tổng đốc, Tuần phủ có hai ty Bồi chính và Án sát; về quân sự do Lãnh binh đảm trách. Những quan chức địa phương này chủ yếu do Trung ương bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước 2 cấp: Trung ương và Tổng đốc - Tuần phủ. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu và tổng, xã. Phủ và tổng là cấp chính quyền trung gian, còn cấp chính quyền cơ sở là xã được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lực nhà nước đến tận các xã thôn”.

(Trương Thị Yên, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 5, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 37-38)

a) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung cải cách hành chính ở địa phương của vua Minh Mạng.

b) Hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương thời Minh Mạng gồm bốn cấp.

c) Việc chia cả nước thành 30 tỉnh, 1 phủ Thừa Thiên và quyền lực nhà nước được đảm bảo đến các xã thôn đã thể hiện tính phân quyền cao độ.

d) Cơ sở chia tỉnh của vua Minh Mạng đã để lại nhiều bài học trong việc xác nhập tỉnh của Việt Nam hiện nay.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1397, Hồ Quý Ly chủ trương mở trường học ở các châu, phủ, cử các quan Giáo thụ trông coi, đôn đốc việc học tập. Nhà nước quy định số lượng ruộng đất cấp để sử dụng việc học ở các địa phương gọi là Học điền. Tùy theo quy mô từng địa phương mà số lượng ruộng đất cấp từ 12 đến 15 mẫu.

Năm 1404, trong các kì thi Hương có thêm kì thi môn làm tính và môn toán, thành ra 5 kì thi. Nhà nước giao trách nhiệm cho các quan, các lộ, phủ, châu phải tuyển chọn được người giỏi đưa vào triều sát hạch để bổ dụng”.

(Nguyễn Văn Hiệp, *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.80)

- a) Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Toán học vào nội dung thi cử.
- b) Đoạn tư liệu trên viết về chính sách cải cách xã hội của Hồ Quý Ly.
- c) Cải cách về giáo dục của Hồ Quý Ly chưa chú trọng tới việc đề cao tinh thần yêu nước, ý thức tự cường của dân tộc.
- d) Hồ Quý Ly nhận thức đúng về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Với Lê Thánh Tông thì tư tưởng chủ đạo là xây dựng cho được một Nhà nước pháp quyền, mà quyền lực tối thượng tập trung ở nhà vua, kể cả ở lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vì vậy, các nhóm đại thần Thái, Thiều... Không có tính chất phân quyền như các thời kì đặt các quan Tư đồ, Tư mã, Tư không trước đây mà chỉ là các chức vụ thừa hành. Vua cũng thường lấy ý kiến, coi trọng ý kiến tâu bày, đản hặc của các đại thần Thái, Thiều... của Lục Bộ, Lục Tự, nhưng chỉ có tính chất tư vấn. Vua có quyền nghe theo hoặc bác bỏ”.

(Văn Tạo, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong Lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.138)

- a) Đoạn tư liệu trên đề cập đến cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.
- b) Với cải cách của vua Lê Thánh Tông đã đưa triều Lê sơ đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- c) Vua Lê Thánh Tông chủ trương cai trị đất nước bằng hệ tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo.
- d) Trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay, các Bộ, Ban, Ngành cần phải có tính chuyên môn hoá, tránh chồng chéo các chức năng, nhiệm vụ.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Vì sao vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách?

Câu 2: (1,0 điểm)

Cuộc cải cách Minh Mạng đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

DẠNG 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (4,0 điểm)

Câu 1: “Hiên tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có”. Câu nói trên phản ánh nội dung gì?

- A. Chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử của nhà Lê.
- B. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê.
- C. Chính sách coi trọng nhân tài, loại bỏ hoàn toàn hình thức tiến cử của nhà Lê.
- D. Kết hợp hình thức tuyển chọn quan lại qua khoa cử và tiến cử của nhà Lê.

Câu 2: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra khắp nơi.
- B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- C. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp.
- D. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.

Câu 3: Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

- A. “Thái bình thông bảo”.
- B. “Thiên phúc trấn bảo”.
- C. “Thông bảo hội sao”.
- D. “Thái Đức thông bảo”.

Câu 4: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- D. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.

Câu 5: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. kỹ trị.
- B. nhân trị.
- C. đức trị.
- D. pháp trị.

Câu 6: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Nho giáo và đạo giáo.
- B. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.
- C. Hin-đu giáo và Hồi giáo.
- D. Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Ban hành quy chế và hình luật mới.
- B. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.
- C. Sửa đổi nội dung các khoa thi.
- D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 8: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Đấu tranh giành chính quyền.
- C. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- D. Tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 9: Ý nào dưới đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly (cuối thế kỉ XIV – XV) và cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Góp phần củng cố nền độc lập của quốc gia Đại Việt.
- B. Nhằm thay đổi nền tảng của chế độ phong kiến hiện hành.
- C. Xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.
- D. Nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền quốc gia Đại Việt.

Câu 10: Bộ luật nào dưới đây được đánh giá là có nhiều điểm mới và tiến bộ so với các bộ luật trong thời phong kiến?

- A. Hoàng Việt luật lệ.
- B. Hình luật.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hình thư.

Câu 11: Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.
- B. Tiếp nhận và xử lý công văn.
- C. Cố vấn các vấn đề quân sự.
- D. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.

Câu 12: Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung.
- B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. tình hình an ninh- xã hội ổn định.
- D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 13: Nội dung nào sau đây của cuộc cải cách Hồ Quý Ly thể hiện rõ tinh thần dân tộc, tiến bộ?

- A. Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.
- B. Đề cao văn hóa dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
- C. Tăng cường lực lượng quân đội, xây dựng nhiều thành lũy.
- D. Ban hành quy chế và hình luật bảo vệ chế độ hiện hành.

Câu 14: Vua Lê Thánh Tông tập trung tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Hành chính.
- B. Giáo dục.
- C. Kinh tế.
- D. Văn hóa.

Câu 15: Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.
- B. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.
- C. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- D. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.

Câu 16: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.
- B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
- C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
- D. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

DẠNG 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Với Lê Thánh Tông thì tư tưởng chủ đạo là xây dựng cho được một Nhà nước pháp quyền, mà quyền lực tối thượng tập trung ở nhà vua, kể cả ở lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vì vậy, các nhóm đại thần Thái, Thiếu... Không có tính chất phân quyền như các thời kì đặt các quan Tư đồ, Tư mã, Tư không trước đây mà chỉ là các chức vụ thừa hành. Vua cũng thường lấy ý kiến, coi trọng ý kiến tâu bày, đàn hạch của các đại thần Thái, Thiếu... của Lục Bộ, Lục Tự, nhưng chỉ có tính chất tư vấn. Vua có quyền nghe theo hoặc bác bỏ”.

(Văn Tạo, Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong Lịch sử Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.138)

a) Đoạn tư liệu trên đề cập đến cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.

b) Với cải cách của vua Lê Thánh Tông đã đưa triều Lê sơ đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến ở Việt Nam.

c) Vua Lê Thánh Tông chủ trương cai trị đất nước bằng hệ tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo.

d) Trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay, các Bộ, Ban, Ngành cần phải có tính chuyên môn hoá, tránh chồng chéo các chức năng, nhiệm vụ.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Để thống nhất các đơn vị hành chính,... Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính địa phương, xóa bỏ các tổng trấn, đổi các dinh, trấn thành tỉnh. Cùng với việc xếp đặt lại các đơn vị hành chính trong cả nước, hệ thống quan chức ở các địa phương cũng dần dần được Minh Mệnh cho kiện toàn. Đối với tỉnh lớn như Thanh Hóa, Minh Mệnh cho đặt chức Tổng đốc, phần lớn cử những người Tôn thất đảm nhiệm, ngoài ra, cứ 2 tỉnh hoặc 3 tỉnh đặt một viên Tổng đốc và một viên Tuần phủ (phụ trách một tỉnh, dưới quyền viên Tổng đốc). Giúp việc cho Tổng đốc, Tuần phủ có hai ty Bố chính và Án sát; về quân sự do Lãnh binh đảm trách. Những quan chức địa phương này chủ yếu do Trung ương bổ nhiệm và chịu

trách nhiệm trước 2 cấp: Trung ương và Tổng đốc - Tuần phủ. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu và tổng, xã. Phủ và tổng là cấp chính quyền trung gian, còn cấp chính quyền cơ sở là xã được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lực nhà nước đến tận các xã thôn”.

(Trương Thị Yên, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 5, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 37-38)

- a) Hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương thời Minh Mạng gồm bốn cấp.
- b) Cơ sở chia tỉnh của vua Minh Mạng đã để lại nhiều bài học trong việc xác nhập tỉnh của Việt Nam hiện nay.
- c) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung cải cách hành chính ở địa phương của vua Minh Mạng.
- d) Việc chia cả nước thành 30 tỉnh, 1 phủ Thừa Thiên và quyền lực nhà nước được đảm bảo đến các xã thôn đã thể hiện tính phân quyền cao độ.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1397, Hồ Quý Ly chủ trương mở trường học ở các châu, phủ, cử các quan Giáo thụ trông coi, đôn đốc việc học tập. Nhà nước quy định số lượng ruộng đất cấp để sử dụng việc học ở các địa phương gọi là Học điền. Tùy theo quy mô từng địa phương mà số lượng ruộng đất cấp từ 12 đến 15 mẫu. Năm 1404, trong các kì thi Hương có thêm kì thi môn làm tính và môn toán, thành ra 5 kì thi. Nhà nước giao trách nhiệm cho các quan, các lộ, phủ, châu phải tuyển chọn được người giỏi đưa vào triều sát hạch để bổ dụng”.

(Nguyễn Văn Hiệp, *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.80)

- a) Đoạn tư liệu trên viết về chính sách cải cách xã hội của Hồ Quý Ly.
- b) Hồ Quý Ly nhận thức đúng về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước.
- c) Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Toán học vào nội dung thi cử.
- d) Cải cách về giáo dục của Hồ Quý Ly chưa chú trọng tới việc đề cao tinh thần yêu nước, ý thức tự cường của dân tộc.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Vì sao vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách?

Câu 2: (1,0 điểm)

Cuộc cải cách Minh Mạng đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

----- HẾT -----

Mã đề: 113

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

DẠNG 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (4,0 điểm)

Câu 1: “Hiên tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có”. Câu nói trên phản ánh nội dung gì?

- A. Chính sách coi trọng nhân tài, loại bỏ hoàn toàn hình thức tiền cử của nhà Lê.
- B. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê.
- C. Chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử của nhà Lê.
- D. Kết hợp hình thức tuyển chọn quan lại qua khoa cử và tiền cử của nhà Lê.

Câu 2: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. nhân trị.
- B. đức trị.
- C. pháp trị.
- D. kỹ trị.

Câu 3: Nội dung nào sau đây của cuộc cải cách Hồ Quý Ly thể hiện rõ tinh thần dân tộc, tiến bộ?

- A. Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.
- B. Tăng cường lực lượng quân đội, xây dựng nhiều thành lũy.
- C. Đề cao văn hóa dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
- D. Ban hành quy chế và hình luật bảo vệ chế độ hiện hành.

Câu 4: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Đấu tranh giành chính quyền.
- C. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- D. Tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 5: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Nho giáo và đạo giáo.
- B. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.
- C. Hin-đu giáo và Hồi giáo.
- D. Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 6: Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.
- B. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.
- C. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- D. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Sửa đổi nội dung các khoa thi.
- B. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.
- C. Ban hành quy chế và hình luật mới.
- D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 8: Ý nào dưới đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly (cuối thế kỉ XIV – XV) và cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Góp phần củng cố nền độc lập của quốc gia Đại Việt.
- B. Nhằm thay đổi nền tảng của chế độ phong kiến hiện hành.
- C. Xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.
- D. Nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền quốc gia Đại Việt.

Câu 9: Bộ luật nào dưới đây được đánh giá là có nhiều điểm mới và tiến bộ so với các bộ luật trong thời phong kiến?

- A. Hoàng Việt luật lệ.
- B. Hình luật.
- C. Quốc triều hình luật.
- D. Hình thư.

Câu 10: Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.
- B. Cố vấn các vấn đề quân sự.
- C. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.
- D. Tiếp nhận và xử lý công văn.

Câu 11: Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung.
- B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. tình hình an ninh- xã hội ổn định.
- D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 12: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
- B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
- D. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 13: Vua Lê Thánh Tông tập trung tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Hành chính.
- B. Giáo dục.
- C. Kinh tế.
- D. Văn hóa.

Câu 14: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.
- B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
- C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
- D. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.
- B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- C. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra khắp nơi.
- D. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp.

Câu 16: Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

- A. “Thái bình thông bảo”.
- B. “Thông bảo hội sao”.
- C. “Thiên phúc trấn bảo”.
- D. “Thái Đức thông bảo”.

DẠNG 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Để thống nhất các đơn vị hành chính, ... Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính địa phương, xóa bỏ các tổng trấn, đổi các dinh, trấn thành tỉnh. Cùng với việc xếp đặt lại các đơn vị hành chính trong cả nước, hệ thống quan chức ở các địa phương cũng dần dần được Minh Mệnh cho kiện toàn. Đối với tỉnh lớn như Thanh Hóa, Minh Mệnh cho đặt chức Tổng đốc, phần lớn cử những người Tôn thất đảm nhiệm, ngoài ra, cứ 2 tỉnh hoặc 3 tỉnh đặt một viên Tổng đốc và một viên Tuần phủ (phụ trách một tỉnh, dưới quyền viên Tổng đốc). Giúp việc cho Tổng đốc, Tuần phủ có hai ty Bố chính và Án sát; về quân sự do Lãnh binh đảm trách. Những quan chức địa phương này chủ yếu do Trung ương bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước 2 cấp: Trung ương và Tổng đốc - Tuần phủ. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu và tổng, xã. Phủ và tổng là cấp chính quyền trung gian, còn cấp chính quyền cơ sở là xã được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lực nhà nước đến tận các xã thôn”.

(Trương Thị Yên, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 5, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 37-38)

- a) Hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương thời Minh Mạng gồm bốn cấp.
- b) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung cải cách hành chính ở địa phương của vua Minh Mạng.
- c) Cơ sở chia tỉnh của vua Minh Mạng đã để lại nhiều bài học trong việc xác nhập tỉnh của Việt Nam hiện nay.
- d) Việc chia cả nước thành 30 tỉnh, 1 phủ Thừa Thiên và quyền lực nhà nước được đảm bảo đến các xã thôn đã thể hiện tính phân quyền cao độ.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1397, Hồ Quý Ly chủ trương mở trường học ở các châu, phủ, cử các quan Giáo thụ trông coi, đôn đốc việc học tập. Nhà nước quy định số lượng ruộng đất cấp để sử dụng việc học ở các địa phương gọi là Học điền. Tùy theo quy mô từng địa phương mà số lượng ruộng đất cấp từ 12 đến 15 mẫu. Năm 1404, trong các kì thi Hương có thêm kì thi môn làm tính và môn toán, thành ra 5 kì thi. Nhà nước giao trách nhiệm cho các quan, các lộ, phủ, châu phải tuyển chọn được người giỏi đưa vào triều sát hạch để bổ dụng”.

(Nguyễn Văn Hiệp, *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.80)

- a) Đoạn tư liệu trên viết về chính sách cải cách xã hội của Hồ Quý Ly.
- b) Hồ Quý Ly nhận thức đúng về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước.
- c) Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Toán học vào nội dung thi cử.
- d) Cải cách về giáo dục của Hồ Quý Ly chưa chú trọng tới việc đề cao tinh thần yêu nước, ý thức tự cường của dân tộc.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Với Lê Thánh Tông thì tư tưởng chủ đạo là xây dựng cho được một Nhà nước pháp quyền, mà quyền lực tối thượng tập trung ở nhà vua, kể cả ở lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vì vậy, các nhóm đại thần Thái, Thiếu... Không có tính chất phân quyền như các thời kì đặt các quan Tư đồ, Tư mã, Tư không trước đây mà chỉ là các chức vụ thừa hành. Vua cũng thường lấy ý kiến, coi trọng ý kiến tâu bày, đàn hạch của các đại thần Thái, Thiếu... của Lục Bộ, Lục Tự, nhưng chỉ có tính chất tư vấn. Vua có quyền nghe theo hoặc bác bỏ”.

(Văn Tạo, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong Lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.138)

- a) Trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay, các Bộ, Ban, Ngành cần phải có tính chuyên môn hoá, tránh chồng chéo các chức năng, nhiệm vụ.
- b) Với cải cách của vua Lê Thánh Tông đã đưa triều Lê sơ đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến ở Việt Nam.
- c) Vua Lê Thánh Tông chủ trương cai trị đất nước bằng hệ tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo.
- d) Đoạn tư liệu trên đề cập đến cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Vì sao vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách?

Câu 2: (1,0 điểm)

Cuộc cải cách Minh Mạng đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 11B.....SBD.....

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

DẠNG 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (4,0 điểm)

Câu 1: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. nhân trị. B. kỹ trị. C. đức trị. D. pháp trị.

Câu 2: Nội dung nào sau đây của cuộc cải cách Hồ Quý Ly thể hiện rõ tinh thần dân tộc, tiến bộ?

- A. Cải tiến vũ khí, xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.
B. Tăng cường lực lượng quân đội, xây dựng nhiều thành lũy.
C. Đề cao văn hóa dân tộc, khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
D. Ban hành quy chế và hình luật bảo vệ chế độ hiện hành.

Câu 3: Năm 1396, Hồ Quý Ly cho ban hành tiền giấy đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mang tên là

- A. “Thái bình thông bảo”. B. “Thông bảo hội sao”.
C. “Thiên phúc trấn bảo”. D. “Thái Đức thông bảo”.

Câu 4: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Nho giáo và đạo giáo. B. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.
C. Hin-đu giáo và Hồi giáo. D. Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 5: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
B. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
C. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
D. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.

Câu 6: Vua Lê Thánh Tông tập trung tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Văn hóa. B. Hành chính. C. Giáo dục. D. Kinh tế.

Câu 7: Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Cố vấn các vấn đề quân sự. B. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.
C. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch. D. Tiếp nhận và xử lý công văn.

Câu 8: Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung. B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
C. tình hình an ninh- xã hội ổn định. D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 9: “*Hiền tài là nguyên khí của nhà nước, nguyên khí mạnh thì trị đạo mới thịnh, khoa mục là đường thẳng của quan trường, đường thẳng mở thì chân nho mới có*”. Câu nói trên phản ánh nội dung gì?

- A. Nghĩa vụ và trách nhiệm của nhân tài đối với đất nước dưới thời Lê.
B. Kết hợp hình thức tuyển chọn quan lại qua khoa cử và tiến cử của nhà Lê.
C. Chính sách coi trọng nhân tài và đào tạo quan lại qua khoa cử của nhà Lê.
D. Chính sách coi trọng nhân tài, loại bỏ hoàn toàn hình thức tiến cử của nhà Lê.

Câu 10: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.
B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
D. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.

Câu 11: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- B. Đấu tranh giành chính quyền.
- C. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- D. Tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 12: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước.
- B. Sửa đổi nội dung các khoa thi.
- C. Ban hành quy chế và hình luật mới.
- D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 13: Ý nào dưới đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa cuộc cải cách của Hồ Quý Ly (cuối thế kỉ XIV – XV) và cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)?

- A. Góp phần củng cố nền độc lập của quốc gia Đại Việt.
- B. Xác lập mô hình phát triển mới của quốc gia Đại Việt.
- C. Nhằm thay đổi nền tảng của chế độ phong kiến hiện hành.
- D. Nhằm củng cố chế độ quân chủ tập quyền quốc gia Đại Việt.

Câu 14: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV?

- A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị.
- B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- C. Các cuộc khởi nghĩa của nông dân nổ ra khắp nơi.
- D. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp.

Câu 15: Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.
- B. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.
- C. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- D. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.

Câu 16: Bộ luật nào dưới đây được đánh giá là có nhiều điểm mới và tiến bộ so với các bộ luật trong thời phong kiến?

- A. Hoàng Việt luật lệ.
- B. Hình thư.
- C. Hình luật.
- D. Quốc triều hình luật.

DẠNG 2: Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. (3,0 điểm)

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Với Lê Thánh Tông thì tư tưởng chủ đạo là xây dựng cho được một Nhà nước pháp quyền, mà quyền lực tối thượng tập trung ở nhà vua, kể cả ở lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Vì vậy, các nhóm đại thần Thái, Thiếu... Không có tính chất phân quyền như các thời kì đặt các quan Tư đồ, Tư mã, Tư không trước đây mà chỉ là các chức vụ thừa hành. Vua cũng thường lấy ý kiến, coi trọng ý kiến tâu bày, đàn hạch của các đại thần Thái, Thiếu... của Lục Bộ, Lục Tự, nhưng chỉ có tính chất tư vấn. Vua có quyền nghe theo hoặc bác bỏ”.

(Văn Tạo, *Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong Lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2006, tr.138)

a) Trong công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay, các Bộ, Ban, Ngành cần phải có tính chuyên môn hoá, tránh chồng chéo các chức năng, nhiệm vụ.

b) Đoạn tư liệu trên đề cập đến cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông.

c) Với cải cách của vua Lê Thánh Tông đã đưa triều Lê sơ đạt đến đỉnh cao của chế độ phong kiến ở Việt Nam.

d) Vua Lê Thánh Tông chủ trương cai trị đất nước bằng hệ tư tưởng Phật giáo và Đạo giáo.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Để thống nhất các đơn vị hành chính, ... Minh Mệnh tiến hành cải cách hành chính địa phương, xóa bỏ các tổng trấn, đổi các dinh, trấn thành tỉnh. Cùng với việc xếp đặt lại các đơn vị hành chính trong cả nước, hệ thống quan chức ở các địa phương cũng dần dần được Minh Mệnh cho kiện toàn. Đối với tỉnh lớn như Thanh Hóa, Minh Mệnh cho đặt chức Tổng đốc, phần lớn cử những người Tôn thất đảm nhiệm, ngoài ra, cứ 2 tỉnh hoặc 3 tỉnh đặt một viên Tổng đốc và một viên Tuần phủ (phụ trách một tỉnh, dưới quyền viên Tổng đốc). Giúp việc cho Tổng đốc, Tuần phủ có hai ty Bồi chính và Án sát; về quân sự do Lãnh binh đảm trách. Những quan chức địa phương này chủ yếu do Trung ương bổ nhiệm và chịu

trách nhiệm trước 2 cấp: Trung ương và Tổng đốc - Tuần phủ. Dưới tỉnh là phủ, huyện, châu và tổng, xã. Phủ và tổng là cấp chính quyền trung gian, còn cấp chính quyền cơ sở là xã được tổ chức chặt chẽ nhằm đảm bảo quyền lực nhà nước đến tận các xã thôn”.

(Trương Thị Yến, *Lịch sử Việt Nam*, Tập 5, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017, tr. 37-38)

- a) Hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương thời Minh Mạng gồm bốn cấp.
- b) Việc chia cả nước thành 30 tỉnh, 1 phủ Thừa Thiên và quyền lực nhà nước được đảm bảo đến các xã thôn đã thể hiện tính phân quyền cao độ.
- c) Đoạn tư liệu trên đề cập đến nội dung cải cách hành chính ở địa phương của vua Minh Mạng.
- d) Cơ sở chia tỉnh của vua Minh Mạng đã để lại nhiều bài học trong việc xác nhập tỉnh của Việt Nam hiện nay.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1397, Hồ Quý Ly chủ trương mở trường học ở các châu, phủ, cử các quan Giáo thụ trông coi, đôn đốc việc học tập. Nhà nước quy định số lượng ruộng đất cấp để sử dụng việc học ở các địa phương gọi là Học điền. Tùy theo quy mô từng địa phương mà số lượng ruộng đất cấp từ 12 đến 15 mẫu. Năm 1404, trong các kì thi Hương có thêm kì thi môn làm tính và môn toán, thành ra 5 kì thi. Nhà nước giao trách nhiệm cho các quan, các lộ, phủ, châu phải tuyển chọn được người giỏi đưa vào triều sát hạch để bổ dụng”.

(Nguyễn Văn Hiệp, *Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.80)

- a) Nhà Hồ là triều đại đầu tiên đưa Toán học vào nội dung thi cử.
- b) Cải cách về giáo dục của Hồ Quý Ly chưa chú trọng tới việc đề cao tinh thần yêu nước, ý thức tự cường của dân tộc.
- c) Hồ Quý Ly nhận thức đúng về vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của đất nước.
- d) Đoạn tư liệu trên viết về chính sách cải cách xã hội của Hồ Quý Ly.

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Vì sao vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách?

Câu 2: (1,0 điểm)

Cuộc cải cách Minh Mạng đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?

----- HẾT -----

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		111	112	113	114	
<p>I</p> <p>- Tổng điểm: 4,0đ/16 câu</p> <p>- Mỗi câu đúng được 0,25 Điểm</p>	1	A	A	C	D	
	2	C	D	C	C	
	3	A	C	C	B	
	4	C	A	A	D	
	5	D	D	D	C	
	6	C	D	C	B	
	7	C	B	B	D	
	8	B	A	D	B	
	9	C	D	C	C	
	10	A	C	D	C	
	11	D	B	B	A	
	12	D	B	C	A	
	13	B	B	A	D	
	14	B	A	C	A	
	15	A	C	A	C	
	16	B	C	B	D	
<p>II</p> <p>- Tổng điểm: 3,0đ/3 câu</p> <p>- Mỗi câu có 4 ý</p> <p>- Mỗi ý đúng được: 0,25 điểm</p>	1	a)	Đ	Đ	S	Đ
		b)	S	Đ	Đ	Đ
		c)	S	S	Đ	Đ
		d)	Đ	Đ	S	S
	2	a)	Đ	S	S	S
		b)	S	Đ	Đ	S
		c)	S	Đ	Đ	Đ
		d)	Đ	S	S	Đ
	3	a)	Đ	S	Đ	Đ
		b)	Đ	Đ	Đ	S
		c)	S	Đ	S	Đ
		d)	Đ	S	Đ	S

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu	Hướng dẫn chấm	Điểm
1	Vì sao vua Lê Thánh Tông tiến hành cải cách?	
	* Chính trị: Nội bộ triều đình: tình trạng phe cánh và sự lộng quyền của một bộ phận công thần.	0,5
	* Kinh tế: Một bộ phận nông dân thiếu ruộng đất canh tác, nguồn thu của nhà nước bị ảnh hưởng.	0,5
	* Xã hội: Nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô, nhũng nhiễu, tình trạng coi thường pháp luật trở nên phổ biến.	0,5
	→ Vì vậy sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông từng bước tiến hành những chính sách cải cách quan trọng, đặc biệt đối với hệ thống hành chính	0,5

2	<i>Cuộc cải cách Minh Mạng đã để lại bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam hiện nay?</i>	
	Tùy theo mức độ làm bài của học sinh mà cho điểm nhưng phải đảm bảo các ý cơ bản sau đây: - Khoa học, tinh gọn,... - Phù hợp yếu tố lịch sử và sự phát triển,...	0,5 0,5

----- **HẾT** -----

Kon Tum, ngày 25 tháng 3 năm 2025
Giáo viên ra đề

Dương Đức Trí

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền với quốc gia nào sau đây?

- A. Trung Quốc. B. Liên Xô.
C. Hàn Quốc. D. Triều Tiên.

Câu 2: Một trong những điểm giống nhau về kết quả trong các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là

- A. đã thúc đẩy phong trào công nhân. B. Pháp cho thực hiện nhiều cải cách.
C. đã nhận ra được bản chất kẻ thù. D. chưa giành lại độc lập cho dân tộc.

Câu 3: Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1925 **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Tạo chuyển biến trong nội dung tư tưởng của phong trào cách mạng.
B. Tìm kiếm sự ủng hộ của phe Đồng Minh chống phát xít giành độc lập.
C. Thay đổi tư duy kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo hướng mới.
D. Thay đổi tư duy văn hoá, nền Hán học, truyền bá văn minh tiên bộ.

Câu 4: Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

- A. Quốc tế Cộng sản. B. Mặt trận Liên Việt.
C. Ban Chỉ huy hải ngoại. D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 5: Một trong những nguyên nhân Việt Nam luôn coi trọng mỗi quan hệ và hợp tác với Liên Xô là

- A. viện trợ kinh tế, quân sự, ủng hộ về chính trị.
B. đồng ý đứng dưới cái ô hạt nhân của Liên Xô.
C. cần liên kết với Liên Xô để chống Trung Quốc.
D. dựa vào ưu thế của Liên Xô để đánh Khơ-me đỏ.

Câu 6: Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là

- A. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.
B. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.
C. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.
D. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.

Câu 7: Bài học kinh nghiệm xuyên suốt đã dẫn đến tất cả những thắng lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 đến nay là

- A. tham gia vào các khối liên minh quân sự.
B. tăng cường củng cố sức mạnh quân sự.
C. thực hiện đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô.
D. kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Câu 8: Từ thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri (1973), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Câu 9: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và đế quốc Mĩ (1954 - 1975) ở Việt Nam?

- A. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
- B. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
- C. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.
- D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Câu 10: Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 đến 1927 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị đội thời cơ khởi nghĩa.
- B. Thống nhất các tổ chức Cộng sản.
- C. Nhận được sự đồng ý của Quốc tế Cộng sản.
- D. Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

Câu 11: Một trong những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là

- A. Đảng Cộng sản Đức.
- B. Đảng Dân chủ Mỹ.
- C. Đảng xã hội Pháp.
- D. Đảng Cộng sản Mỹ.

Câu 12: Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mĩ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
- B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.
- C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
- D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

Câu 13: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam thực hiện hoạt động đối ngoại chủ yếu nào sau đây?

- A. Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- B. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- C. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- D. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mĩ.

Câu 14: Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

- A. Liên minh kinh tế Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
- B. Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào được thành lập.
- C. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập.
- D. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.

Câu 15: Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh trong giai đoạn (1942-1945) có tác dụng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.
- B. Tập hợp nông dân đứng dưới ngọn cờ của Đảng.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.
- D. Xu thế cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.

Câu 16: Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.
- B. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

Câu 17: Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh là

- A. tập hợp lực lượng cách mạng.
- B. vận động cải cách và duy tân.
- C. xin viện trợ các nước châu Âu.
- D. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.

Câu 18: Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 1975-1991 là

- A. quân đội quá lớn mạnh.
- B. vấn đề của Cam-pu-chia.
- C. Trung Quốc ngăn cản.
- D. Việt Nam còn lạc hậu.

Câu 19: Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau 1986 đến nay là

- A. Ấn Độ. B. Mỹ. C. Nga. D. Lào.

Câu 20: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne- vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973)?

- A. Điều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.
B. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.
D. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.

Câu 21: Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?

- A. Miền Nam được giải phóng.
B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
D. Tham gia cộng đồng ASEAN.

Câu 22: Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Hiệp định Sơ bộ. B. Hiệp định Viêng Chăn.
C. Hiệp định Giơ-ne-vơ. D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 23: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri?

- A. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
B. Điện Biên Phủ trên không.
C. Tiến công chiến lược 1972.
D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 24: Trong những năm 1905 – 1908, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Nhật Bản. B. Trung Quốc.
C. Liên Xô. D. Xiêm (Thái Lan).

Câu 25: Một trong những nội dung thể hiện sự khác nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc.
B. nguyên tắc thực hiện hoạt động đối ngoại.
C. các chuyến thăm cấp cao đến Trung Quốc.
D. đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Câu 26: Để thực hiện thành công phương châm "*Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước*", các hoạt động đối ngoại của Việt Nam cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.
B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.
C. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.
D. Không đổi môi trường lấy kinh tế.

Câu 27: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam **không** thực hiện hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á.
B. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
C. Tham gia tích cực Phong trào Không liên kết.
D. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.

Câu 28: Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chống lại

- A. âm mưu chia cắt Đông Dương.
B. cuộc tấn công của Trung Quốc.
C. cuộc bao vây cấm vận của Mỹ.
D. âm mưu chia rẽ tổ chức ASEAN.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tăng cường đan xen lợi ích; xử lý linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.153).

- a) Đoạn tư liệu trên khẳng định chính sách đối ngoại Việt Nam muốn là bạn của các nước trên thế giới.
- b) Chính sách đối ngoại muốn thành công thì phải gắn chặt với chính sách về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế.
- c) Hoạt động đối ngoại là nhân tố quyết định sự thành công trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
- d) Chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành nên một trường phái đối ngoại rất đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc ngoại giao “cây tre” của Việt Nam.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc chiến ngoại giao giai đoạn 1945 – 1946 giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với nước Pháp diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn khi nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao non trẻ đã xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập: Hoà với Trung Hoa Dân quốc, tập trung chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ để đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ.

- a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 tận dụng mâu thuẫn nội bộ đối phương để phân hoá và cô lập kẻ thù.
- b) Đoạn tư liệu trên viết về hoạt động đối ngoại của Việt Nam sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- c) Bài học kinh nghiệm từ chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là luôn ưu tiên giải pháp hoà bình.
- d) Chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 luôn cứng rắn sách lược, mềm dẻo về chiến lược.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc ký kết Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Ngọn cờ chính nghĩa và sự đồng thuận trên dưới một lòng của toàn Đảng, toàn dân tạo nên sức mạnh chính trị vững chắc và kiên định. Những chiến thắng trên chiến trường thúc đẩy diễn tiến của cuộc đấu tranh ngoại giao: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 buộc đối phương phải đề nghị đàm phán, chiến dịch Xuân - Hè 1972 đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất, chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” đi tới việc ký kết Hiệp định. Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao là một kinh nghiệm quý báu và thiết thực trong cuộc cách mạng Việt Nam”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 – 2020*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, tr. 253).

- a) Từ việc kí kết Hiệp định Pari cho thấy, mặt trận ngoại giao cần được mở ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
- b) Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn “vừa đánh, vừa đàm”.
- c) Đoạn tư liệu trên khẳng định sự kiện Hiệp định Pari được ký kết đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.
- d) Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam **không** thực hiện hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á. B. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
C. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô. D. Tham gia tích cực Phong trào Không liên kết.

Câu 2: Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

- A. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
B. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập.
C. Liên minh kinh tế Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
D. Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào được thành lập.

Câu 3: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam thực hiện hoạt động đối ngoại chủ yếu nào sau đây?

- A. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
B. Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
C. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ.
D. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.

Câu 4: Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1925 **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thay đổi tư duy văn hoá, nền Hán học, truyền bá văn minh tiến bộ.
B. Tạo chuyển biến trong nội dung tư tưởng của phong trào cách mạng.
C. Tìm kiếm sự ủng hộ của phe Đồng Minh chống phát xít giành độc lập.
D. Thay đổi tư duy kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo hướng mới.

Câu 5: Một trong những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là

- A. Đảng Dân chủ Mỹ. B. Đảng xã hội Pháp. C. Đảng Cộng sản Đức. D. Đảng Cộng sản Mỹ.

Câu 6: Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là

- A. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.
B. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.
C. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.
D. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.

Câu 7: Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.
C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

Câu 8: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975) ở Việt Nam?

- A. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
B. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
C. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.
D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Câu 9: Một trong những nguyên nhân Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ và hợp tác với Liên Xô là

- A. đồng ý đứng dưới cái ô hạt nhân của Liên Xô.
- B. dựa vào ưu thế của Liên Xô để đánh Khơ-me đỏ.
- C. viện trợ kinh tế, quân sự, ủng hộ về chính trị.
- D. cần liên kết với Liên Xô để chống Trung Quốc.

Câu 10: Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

- A. Mặt trận Liên Việt.
- B. Quốc tế Cộng sản.
- C. Ban Chỉ huy hải ngoại.
- D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 11: Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 đến 1927 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị đội thời cơ khởi nghĩa.
- B. Thống nhất các tổ chức Cộng sản.
- C. Nhận được sự đồng ý của Quốc tế Cộng sản.
- D. Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

Câu 12: Một trong những nội dung thể hiện sự khác nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc.
- B. nguyên tắc thực hiện hoạt động đối ngoại.
- C. các chuyên thăm cấp cao đến Trung Quốc.
- D. đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.

Câu 13: Một trong những điểm giống nhau về kết quả trong các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là

- A. chưa giành lại độc lập cho dân tộc.
- B. đã thúc đẩy phong trào công nhân.
- C. đã nhận ra được bản chất kẻ thù.
- D. Pháp cho thực hiện nhiều cải cách.

Câu 14: Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền với quốc gia nào sau đây?

- A. Hàn Quốc.
- B. Triều Tiên.
- C. Trung Quốc.
- D. Liên Xô.

Câu 15: Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.
- B. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

Câu 16: Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh là

- A. tập hợp lực lượng cách mạng.
- B. vận động cải cách và duy tân.
- C. xin viện trợ các nước châu Âu.
- D. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.

Câu 17: Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau 1986 đến nay là

- A. Lào.
- B. Nga.
- C. Ấn Độ.
- D. Mỹ.

Câu 18: Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh trong giai đoạn (1942-1945) có tác dụng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Xu thế cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.
- B. Tranh thủ sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.
- D. Tập hợp nông dân đứng dưới ngọn cờ của Đảng.

Câu 19: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne- vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973)?

- A. Điều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.
- B. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.
- D. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.

Câu 20: Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 1975-1991 là

- A. Trung Quốc ngăn cản.
- B. vấn đề của Cam-pu-chia.
- C. Việt Nam còn lạc hậu.
- D. quân đội quá lớn mạnh.

Câu 21: Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Hiệp định Sơ bộ.
- B. Hiệp định Viêng Chăn.
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 22: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri?

- A. Điện Biên Phủ trên không.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- C. Tiến công chiến lược 1972.
- D. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.

Câu 23: Trong những năm 1905 – 1908, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. Liên Xô.
- D. Xiêm (Thái Lan).

Câu 24: Từ thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri (1973), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- B. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.

Câu 25: Để thực hiện thành công phương châm "*Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước*", các hoạt động đối ngoại của Việt Nam cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.
- B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.
- C. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.
- D. Không đối môi trường lấy kinh tế.

Câu 26: Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chống lại

- A. âm mưu chia cắt Đông Dương.
- B. cuộc tấn công của Trung Quốc.
- C. cuộc bao vây cấm vận của Mỹ.
- D. âm mưu chia rẽ tổ chức ASEAN.

Câu 27: Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?

- A. Miền Nam được giải phóng.
- B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
- C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
- D. Tham gia cộng đồng ASEAN.

Câu 28: Bài học kinh nghiệm xuyên suốt đã dẫn đến tất cả những thắng lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 đến nay là

- A. tăng cường củng cố sức mạnh quân sự.
- B. kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- C. thực hiện đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô.
- D. tham gia vào các khối liên minh quân sự.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc chiến ngoại giao giai đoạn 1945 – 1946 giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với nước Pháp diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn khi nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao non trẻ đã xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập: Hoà với Trung Hoa Dân quốc, tập trung chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ để đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ.

a) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 tận dụng mâu thuẫn nội bộ đối phương để phân hoá và cô lập kẻ thù.

b) Đoạn tư liệu trên viết về hoạt động đối ngoại của Việt Nam sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Bài học kinh nghiệm từ chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là luôn ưu tiên giải pháp hoà bình.

d) Chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 luôn cứng rắn sách lược, mềm dẻo về chiến lược.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tăng cường đan xen lợi ích; xử lý linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.153).

a) Chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành nên một trường phái đối ngoại rất đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc ngoại giao “cây tre” của Việt Nam.

b) Đoạn tư liệu trên khẳng định chính sách đối ngoại Việt Nam muốn là bạn của các nước trên thế giới.

c) Hoạt động đối ngoại là nhân tố quyết định sự thành công trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

d) Chính sách đối ngoại muốn thành công thì phải gắn chặt với chính sách về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc ký kết Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Ngọn cờ chính nghĩa và sự đồng thuận trên dưới một lòng của toàn Đảng, toàn dân tạo nên sức mạnh chính trị vững chắc và kiên định. Những chiến thắng trên chiến trường thúc đẩy diễn tiến của cuộc đấu tranh ngoại giao: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 buộc đối phương phải đề nghị đàm phán, chiến dịch Xuân - Hè 1972 đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất, chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” đi tới việc ký kết Hiệp định. Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao là một kinh nghiệm quý báu và thiết thực trong cuộc cách mạng Việt Nam”.

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử Quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 – 2020, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, tr. 253)

a) Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

b) Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn “vừa đánh, vừa đàm”.

c) Đoạn tư liệu trên khẳng định sự kiện Hiệp định Pari được ký kết đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

d) Từ việc kí kết Hiệp định Pari cho thấy, mặt trận ngoại giao cần được mở ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.
- B. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.

Câu 2: Trong những năm 1905 – 1908, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. Liên Xô.
- D. Xiêm (Thái Lan).

Câu 3: Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

- A. Quốc tế Cộng sản.
- B. Mặt trận Việt Minh.
- C. Ban Chỉ huy hải ngoại.
- D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 4: Để thực hiện thành công phương châm "*Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước*", các hoạt động đối ngoại của Việt Nam cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.
- B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.
- C. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.
- D. Không đối môi trường lấy kinh tế.

Câu 5: Một trong những điểm giống nhau về kết quả trong các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là

- A. Pháp cho thực hiện nhiều cải cách.
- B. chưa giành lại độc lập cho dân tộc.
- C. đã nhận ra được bản chất kẻ thù.
- D. đã thúc đẩy phong trào công nhân.

Câu 6: Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 đến 1927 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị đội thời cơ khởi nghĩa.
- B. Thống nhất các tổ chức Cộng sản.
- C. Nhận được sự đồng ý của Quốc tế Cộng sản.
- D. Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

Câu 7: Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
- B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
- C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.
- D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

Câu 8: Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh trong giai đoạn (1942-1945) có tác dụng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Xu thế cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.
- B. Tranh thủ sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.
- D. Tập hợp nông dân đứng dưới ngọn cờ của Đảng.

Câu 9: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne- vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973)?

- A. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- B. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.
- C. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.
- D. Điều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.

Câu 10: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và đế quốc Mĩ (1954 - 1975) ở Việt Nam?

- A. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
- B. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
- C. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.
- D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Câu 11: Một trong những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là

- A. Đảng xã hội Pháp.
- B. Đảng Dân chủ Mỹ.
- C. Đảng Cộng sản Đức.
- D. Đảng Cộng sản Mỹ.

Câu 12: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri?

- A. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- C. Tiến công chiến lược 1972.
- D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 13: Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền với quốc gia nào sau đây?

- A. Hàn Quốc.
- B. Triều Tiên.
- C. Trung Quốc.
- D. Liên Xô.

Câu 14: Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là

- A. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.
- B. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.
- C. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.
- D. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.

Câu 15: Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau 1986 đến nay là

- A. Lào.
- B. Nga.
- C. Ấn Độ.
- D. Mỹ.

Câu 16: Một trong những nguyên nhân Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ và hợp tác với Liên Xô là

- A. dựa vào ưu thế của Liên Xô để đánh Khơ-me đỏ.
- B. cần liên kết với Liên Xô để chống Trung Quốc.
- C. đồng ý đứng dưới cái ô hạt nhân của Liên Xô.
- D. viện trợ kinh tế, quân sự, ủng hộ về chính trị.

Câu 17: Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?

- A. Miền Nam được giải phóng.
- B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
- C. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
- D. Tham gia cộng đồng ASEAN.

Câu 18: Bài học kinh nghiệm xuyên suốt đã dẫn đến tất cả những thắng lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 đến nay là

- A. tăng cường củng cố sức mạnh quân sự.
- B. kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- C. thực hiện đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô.
- D. tham gia vào các khối liên minh quân sự.

Câu 19: Một trong những nội dung thể hiện sự khác nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. các chuyến thăm cấp cao đến Trung Quốc.
- B. đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- C. mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc.
- D. nguyên tắc thực hiện hoạt động đối ngoại.

Câu 20: Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Hiệp định Sơ bộ.
- B. Hiệp định Viêng Chăn.
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- D. Hiệp định Pa-ri.

Câu 21: Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chống lại

- A. âm mưu chia cắt Đông Dương.
- B. cuộc tấn công của Trung Quốc.
- C. cuộc bao vây cấm vận của Mỹ.
- D. âm mưu chia rẽ tổ chức ASEAN.

Câu 22: Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh là

- A. tập hợp lực lượng cách mạng.
- B. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.
- C. vận động cải cách và duy tân.
- D. xin viện trợ các nước châu Âu.

Câu 23: Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 1975-1991 là

- A. Việt Nam còn lạc hậu.
- B. vấn đề của Cam-pu-chia.
- C. Trung Quốc ngăn cản.
- D. quân đội quá lớn mạnh.

Câu 24: Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1925 **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Tạo chuyển biến trong nội dung tư tưởng của phong trào cách mạng.
- B. Thay đổi tư duy kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo hướng mới.
- C. Thay đổi tư duy văn hoá, nền Hán học, truyền bá văn minh tiên bộ.
- D. Tìm kiếm sự ủng hộ của phe Đồng Minh chống phát xít giành độc lập.

Câu 25: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam thực hiện hoạt động đối ngoại chủ yếu nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- B. Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- C. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ.

Câu 26: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam **không** thực hiện hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- B. Cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- D. Tham gia tích cực Phong trào Không liên kết.

Câu 27: Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

- A. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập.
- B. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
- C. Liên minh kinh tế Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
- D. Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào được thành lập.

Câu 28: Từ thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri (1973), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
- B. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.
- C. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- D. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc chiến ngoại giao giai đoạn 1945 – 1946 giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với nước Pháp diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn khi nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao non trẻ đã xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập: Hoà với Trung Hoa Dân quốc, tập trung chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ để đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ.

a) Bài học kinh nghiệm từ chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là luôn ưu tiên giải pháp hoà bình.

b) Đoạn tư liệu trên viết về hoạt động đối ngoại của Việt Nam sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 luôn cứng rắn sách lược, mềm dẻo về chiến lược.

d) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 tận dụng mâu thuẫn nội bộ đối phương để phân hoá và cô lập kẻ thù.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tăng cường đan xen lợi ích; xử lý linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.153).

a) Hoạt động đối ngoại là nhân tố quyết định sự thành công trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

b) Đoạn tư liệu trên khẳng định chính sách đối ngoại Việt Nam muốn là bạn của các nước trên thế giới.

c) Chính sách đối ngoại muốn thành công thì phải gắn chặt với chính sách về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế.

d) Chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành nên một trường phái đối ngoại rất đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc ngoại giao “cây tre” của Việt Nam.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc ký kết Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Ngọn cờ chính nghĩa và sự đồng thuận trên dưới một lòng của toàn Đảng, toàn dân tạo nên sức mạnh chính trị vững chắc và kiên định. Những chiến thắng trên chiến trường thúc đẩy diễn tiến của cuộc đấu tranh ngoại giao: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 buộc đối phương phải đề nghị đàm phán, chiến dịch Xuân - Hè 1972 đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất, chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” đi tới việc ký kết Hiệp định. Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao là một kinh nghiệm quý báu và thiết thực trong cuộc cách mạng Việt Nam”.

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử Quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 – 2020, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, tr. 253)

a) Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

b) Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn “vừa đánh, vừa đàm”.

c) Đoạn tư liệu trên khẳng định sự kiện Hiệp định Pari được ký kết đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

d) Từ việc kí kết Hiệp định Pari cho thấy, mặt trận ngoại giao cần được mở ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến.

----- HẾT -----

Họ và tên học sinh:.....Lớp 12C.....SBD.....

PHẦN 1: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 28. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án. (7,0 điểm)

Câu 1: Một trong những quốc gia Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao từ sau 1986 đến nay là

- A. Lào. B. Mỹ. C. Nga. D. Ấn Độ.

Câu 2: Từ kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao buộc Mỹ phải kí kết Hiệp định Pari, hãy rút ra bài học kinh nghiệm gì cho vấn đề ngoại giao hiện nay?

- A. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, kinh tế và ngoại giao.
B. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.
C. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh quân sự, binh vận và ngoại giao.
D. Bài học về sự kết hợp giữa đấu tranh văn hóa, chính trị và ngoại giao.

Câu 3: Sự kiện nào sau đây trong kháng chiến chống Pháp cho thấy mối quan hệ đoàn kết chiến đấu của Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia được củng cố và tăng cường?

- A. Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập.
B. Liên minh ngoại giao Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
C. Liên minh kinh tế Việt – Lào – Cam-pu-chia ra đời.
D. Liên minh nhân dân Việt – Xiêm – Lào được thành lập.

Câu 4: Trở ngại lớn nhất trong việc Việt Nam hội nhập với Đông Nam Á trong giai đoạn từ năm 1975-1991 là

- A. Việt Nam còn lạc hậu. B. vấn đề của Cam-pu-chia.
C. Trung Quốc ngăn cản. D. quân đội quá lớn mạnh.

Câu 5: Hoạt động đối ngoại của Phan Châu Trinh giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến năm 1925 **không** có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Tìm kiếm sự ủng hộ của phe Đồng Minh chống phát xít giành độc lập.
B. Thay đổi tư duy kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo hướng mới.
C. Thay đổi tư duy văn hoá, nền Hán học, truyền bá văn minh tiên bộ.
D. Tạo chuyển biến trong nội dung tư tưởng của phong trào cách mạng.

Câu 6: Từ thắng lợi trong Hội nghị Pa-ri (1973), Việt Nam có thể rút ra bài học kinh nghiệm gì cho đường lối ngoại giao hiện nay?

- A. Giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
B. Tranh thủ tối đa sự ủng hộ của các cường quốc.
C. Thực hiện đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ.
D. Đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế.

Câu 7: Bài học kinh nghiệm xuyên suốt đã dẫn đến tất cả những thắng lợi trong quá trình thực hiện các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 đến nay là

- A. tăng cường củng cố sức mạnh quân sự. B. kiên trì sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
C. thực hiện đoàn kết chặt chẽ với Liên Xô. D. tham gia vào các khối liên minh quân sự.

Câu 8: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng của đấu tranh ngoại giao trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và đế quốc Mỹ (1954 - 1975) ở Việt Nam?

- A. Mặt trận ngoại giao được hình thành ngay từ đầu cuộc kháng chiến.
B. Đấu tranh ngoại giao luôn đi trước mở đường cho đấu tranh quân sự.
C. Đấu tranh ngoại giao có mối quan hệ chặt chẽ với đấu tranh chính trị.
D. Hoạt động ngoại giao chịu sự chi phối hoàn toàn của hoạt động quân sự.

Câu 9: Từ năm 1986 đến nay, Việt Nam đã ký các hiệp ước về biên giới trên đất liền với quốc gia nào sau đây?

- A. Hàn Quốc.
- B. Trung Quốc.
- C. Triều Tiên.
- D. Liên Xô.

Câu 10: Sự kiện nào sau đây đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới được cải thiện, mở rộng?

- A. Gia nhập vào Liên hợp quốc.
- B. Bắt đầu công cuộc đổi mới.
- C. Miền Nam được giải phóng.
- D. Tham gia cộng đồng ASEAN.

Câu 11: Thắng lợi nào sau đây đã buộc Mỹ phải chấp nhận ký Hiệp định Pa-ri?

- A. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng.
- B. Chiến dịch Hồ Chí Minh.
- C. Tiến công chiến lược 1972.
- D. Điện Biên Phủ trên không.

Câu 12: Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh trong giai đoạn (1942-1945) có tác dụng như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?

- A. Tranh thủ sự ủng hộ đối với cách mạng Việt Nam.
- B. Tập hợp nông dân đứng dưới ngọn cờ của Đảng.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân.
- D. Xu thế cách mạng vô sản đã thắng thế hoàn toàn.

Câu 13: Một trong những hoạt động đối ngoại của Việt Nam đối với Trung Quốc trong giai đoạn 1975-1985 là

- A. đàm phán giải quyết vấn đề xung đột biên giới.
- B. hội nghị thượng đỉnh bàn về vấn đề của ASEAN.
- C. thương lượng để Trung Quốc tăng cường viện trợ.
- D. đàm phán về việc khai thác chung nguồn khí đốt.

Câu 14: Những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn 1911 đến 1927 có ý nghĩa như thế nào đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

- A. Chuẩn bị đội thời cơ khởi nghĩa.
- B. Nhận được sự đồng ý của Quốc tế Cộng sản.
- C. Thống nhất các tổ chức Cộng sản.
- D. Chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức.

Câu 15: Một trong những nguyên nhân Việt Nam luôn coi trọng mối quan hệ và hợp tác với Liên Xô là

- A. đồng ý đứng dưới cái ô hạt nhân của Liên Xô.
- B. dựa vào ưu thế của Liên Xô để đánh Khơ-me đỏ.
- C. viện trợ kinh tế, quân sự, ủng hộ về chính trị.
- D. cần liên kết với Liên Xô để chống Trung Quốc.

Câu 16: Một trong những tổ chức mà Nguyễn Ái Quốc đã gia nhập trong quá trình tìm đường cứu nước (1911-1941) là

- A. Đảng Dân chủ Mỹ.
- B. Đảng xã hội Pháp.
- C. Đảng Cộng sản Mỹ.
- D. Đảng Cộng sản Đức.

Câu 17: Nội dung nào sau đây là điểm giống nhau cơ bản giữa Hiệp định Giơ-ne- vơ (1954) và Hiệp định Pa-ri (1973)?

- A. Điều buộc các nước đế quốc chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút hết quân về nước.
- B. Là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền tự do cơ bản của nhân dân Việt Nam.
- C. Các bên thừa nhận trên thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội.
- D. Thỏa thuận các bên ngừng bắn thực hiện chuyển quân, tập kết, chuyển giao khu vực.

Câu 18: Một trong những nội dung thể hiện sự khác nhau giữa các hoạt động đối ngoại từ năm 1945 - 1975 và từ năm 1986 đến nay là

- A. các chuyến thăm cấp cao đến Trung Quốc.
- B. đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng.
- C. mục tiêu đấu tranh là giải phóng dân tộc.
- D. nguyên tắc thực hiện hoạt động đối ngoại.

Câu 19: Để thực hiện thành công phương châm "*Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước*", các hoạt động đối ngoại của Việt Nam cần tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Liên kết với các nước Đông Âu cũ.
- B. Cân bằng mối quan hệ giữa hai cực.
- C. Không đối môi trường lấy kinh tế.
- D. Không vi phạm chủ quyền dân tộc.

Câu 20: Các hoạt động đối ngoại mà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa tiến hành từ sau Cách mạng tháng Tám phải tuân thủ nguyên tắc nào sau đây?

- A. Không nhân nhượng thỏa hiệp với Pháp.
- B. Giải quyết xung đột bằng thương lượng.
- C. Nhân nhượng tất cả yêu cầu của Tưởng.
- D. Không vi phạm đến chủ quyền dân tộc.

Câu 21: Mục đích thực hiện các hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh là

- A. tập hợp lực lượng cách mạng.
- B. tiến hành khởi nghĩa vũ trang.
- C. vận động cải cách và duy tân.
- D. xin viện trợ các nước châu Âu.

Câu 22: Ngày 6-3-1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ký với đại diện của Chính phủ Pháp bản hiệp định nào sau đây?

- A. Hiệp định Viêng Chăn.
- B. Hiệp định Sơ bộ.
- C. Hiệp định Pa-ri.
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 23: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam **không** thực hiện hoạt động đối ngoại nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- B. Cải thiện quan hệ với các nước Đông Nam Á.
- C. Bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Mỹ.
- D. Tham gia tích cực Phong trào Không liên kết.

Câu 24: Trong giai đoạn (1975 - 1985), Việt Nam thực hiện hoạt động đối ngoại chủ yếu nào sau đây?

- A. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện với Liên Xô.
- B. Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).
- C. Gia nhập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- D. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ.

Câu 25: Từ năm 1975 - 1985, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam tập trung chống lại

- A. cuộc tấn công của Trung Quốc.
- B. âm mưu chia rẽ tổ chức ASEAN.
- C. cuộc bao vây cấm vận của Mỹ.
- D. âm mưu chia cắt Đông Dương.

Câu 26: Trong giai đoạn 1941 – 1945, chủ trương và chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện chủ yếu thông qua tổ chức nào sau đây?

- A. Mặt trận Việt Minh.
- B. Quốc tế Cộng sản.
- C. Ban Chỉ huy hải ngoại.
- D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 27: Trong những năm 1905 – 1908, những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở

- A. Xiêm (Thái Lan).
- B. Nhật Bản.
- C. Trung Quốc.
- D. Liên Xô.

Câu 28: Một trong những điểm giống nhau về kết quả trong các hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh là

- A. đã thúc đẩy phong trào công nhân.
- B. Pháp cho thực hiện nhiều cải cách.
- C. đã nhận ra được bản chất kẻ thù.
- D. chưa giành lại độc lập cho dân tộc.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời câu 1 đến 3. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai. **(3,0 điểm)**

Câu 1: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Gắn kết chặt chẽ đối ngoại với quốc phòng, an ninh và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; đẩy mạnh đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tăng cường đan xen lợi ích; xử lý linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn”.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2,

NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, tr.153).

a) Chính sách đối ngoại muốn thành công thì phải gắn chặt với chính sách về quốc phòng, an ninh và phát triển kinh tế.

b) Đoạn tư liệu trên khẳng định chính sách đối ngoại Việt Nam muốn là bạn của các nước trên thế giới.

c) Chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành nên một trường phái đối ngoại rất đặc sắc và độc đáo, mang đậm bản sắc ngoại giao “*cây tre*” của Việt Nam.

d) Hoạt động đối ngoại là nhân tố quyết định sự thành công trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

Cuộc chiến ngoại giao giai đoạn 1945 – 1946 giữa chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà với nước Pháp diễn ra trong điều kiện vô cùng khó khăn khi nhà nước độc lập non trẻ đứng trước vô vàn thử thách. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nền ngoại giao non trẻ đã xuất sắc bảo vệ chủ quyền và nền độc lập: Hoà với Trung Hoa Dân quốc, tập trung chống Pháp xâm lược ở miền Nam, rồi hoà với Pháp với việc ký kết Hiệp định Sơ bộ để đuổi Trung Hoa Dân quốc về nước, góp phần giữ vững Nhà nước độc lập non trẻ.

a) Chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 luôn cứng rắn sách lược, mềm dẻo về chiến lược.

b) Hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 tận dụng mâu thuẫn nội bộ đối phương để phân hoá và cô lập kẻ thù.

c) Bài học kinh nghiệm từ chính sách ngoại giao của Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946 để lại cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là luôn ưu tiên giải pháp hoà bình.

d) Đoạn tư liệu trên viết về hoạt động đối ngoại của Việt Nam sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Việc ký kết Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự. Ngọn cờ chính nghĩa và sự đồng thuận trên dưới một lòng của toàn Đảng, toàn dân tạo nên sức mạnh chính trị vững chắc và kiên định. Những chiến thắng trên chiến trường thúc đẩy diễn tiến của cuộc đấu tranh ngoại giao: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 buộc đối phương phải đề nghị đàm phán, chiến dịch Xuân - Hè 1972 đưa cuộc đàm phán đi vào thực chất, chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không” đi tới việc ký kết Hiệp định. Sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa ba mặt trận chính trị, quân sự và ngoại giao là một kinh nghiệm quý báu và thiết thực trong cuộc cách mạng Việt Nam”.

(Vũ Dương Ninh, *Lịch sử Quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940 – 2020*,

NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2022, tr. 253)

a) Sau cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, cuộc kháng chiến của ta chuyển sang giai đoạn “vừa đánh, vừa đàm”.

b) Hiệp định Paris là kết quả của cuộc đấu tranh ngoại giao đầy bản lĩnh và trí tuệ, kết hợp chặt chẽ với đấu tranh chính trị và đấu tranh quân sự.

c) Từ việc kí kết Hiệp định Pari cho thấy, mặt trận ngoại giao cần được mở ra ngay từ đầu cuộc kháng chiến.

d) Đoạn tư liệu trên khẳng định sự kiện Hiệp định Pari được ký kết đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

----- HẾT -----

Dạng thức	Câu	Mã đề				
		121	122	123	124	
<p>I</p> <p>- Tổng điểm: 7,0đ/28 câu</p> <p>- Mỗi câu đúng được 0,25đ</p>	1	A	B	A	B	
	2	D	B	A	B	
	3	B	D	B	A	
	4	D	C	C	B	
	5	A	B	B	A	
	6	D	B	D	C	
	7	D	C	B	B	
	8	A	C	B	C	
	9	C	C	A	B	
	10	D	D	C	A	
	11	C	D	A	D	
	12	C	A	D	A	
	13	C	A	C	A	
	14	C	C	A	D	
	15	A	A	D	C	
	16	A	B	D	B	
	17	B	D	C	B	
	18	B	B	B	C	
	19	B	B	C	D	
	20	B	B	A	D	
	21	C	A	C	C	
	22	A	A	C	B	
	23	B	A	B	C	
	24	A	D	D	A	
	25	A	C	A	C	
	26	C	C	C	A	
	27	D	C	A	B	
	28	C	B	D	D	
<p>II</p> <p>- Tổng điểm: 3,0đ/3 câu</p> <p>- Mỗi câu có 4 ý</p> <p>- Mỗi ý đúng được: 0,25đ</p>	1	a)	Đ	Đ	Đ	Đ
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	S	Đ	S	Đ
		d)	Đ	S	Đ	S
	2	a)	Đ	Đ	S	S
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	Đ	S	Đ	Đ
		d)	S	Đ	Đ	Đ
	3	a)	Đ	Đ	Đ	Đ
		b)	Đ	Đ	Đ	Đ
		c)	S	S	S	Đ
		d)	Đ	Đ	Đ	S

Kon Tum, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Giáo viên ra đề

Nguyễn Thị Hồng Vân